

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 297/2025/HS-PT
Ngày 16 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyên – Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 232/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Dương Nguyễn Cẩm H do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2025/HS-ST ngày 24/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Bị cáo bị kháng cáo: Dương Nguyễn Cẩm H, sinh năm 1994 tại tỉnh Cà Mau; Nơi đăng ký thường trú: Ấp Tân Phong B, xã Hoà Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Tạm trú: Số 35, Đường số 14, khu dân cư An Khánh, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Thanh Thủy và bà Nguyễn Hồng Tươi; Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/10/2023 đến nay, có mặt tại điểm cầu thành phần.

Người bị hại có kháng cáo: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1992 – Có mặt tại điểm cầu trung tâm;

Địa chỉ: Khu tập thể Ban quản lý dự án, Khóm 2, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Khu tập thể Khóm 2, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau);

Người bào chữa cho bị cáo:

+ Luật sư Đặng Mỹ Linh, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hồ Thị Triệu thuộc Đoàn luật sư Thành phố Cần Thơ – Có mặt tại điểm cầu thành phần;

+ Luật sư Hồ Thị Triệu, Giám đốc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hồ Thị Triệu thuộc Đoàn luật sư Thành phố Cần Thơ – Vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có liên quan đến kháng cáo:

- Ông Lê Quý T¹, sinh năm 1957 – Có mặt tại điểm cầu thành phần;

- Chị Lê Thùy L, sinh năm 1984 – Có mặt tại điểm cầu thành phần;

Cùng địa chỉ: Khu tập thể Ban quản lý dự án, Khóm 2, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Khu tập thể Khóm 2, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau);

- Bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1968 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 3, Ngách 156/28 phố Hồng Mai, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội (Nay là số 3, Ngách 156/28 phố Hồng Mai, phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị Đ (Hợp đồng ủy quyền do Văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc Long công chứng ngày 24/02/2025): Chị Lê Thùy L và anh Lê Thanh Tùng (cũng là bị hại) – Đều có mặt;

Ngoài ra còn có bị hại Liên Hoàng P không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013, bị cáo Dương Nguyễn Cẩm H quen biết với anh Lê Thanh T do cùng theo học tại Trường Đại học Cần Thơ. Sau khi tốt nghiệp, H không xin được việc làm.

Cuối năm 2018, biết gia đình anh T có nhu cầu mua đất để chuyển về Cần Thơ sinh sống nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh T. H nói dối là H đã được tuyển dụng vào làm giảng viên của Trường Đại học Cần Thơ, được suất ưu đãi dành cho cán bộ giảng viên đăng ký mua nền đất tại dự án Khu nhà ở cán bộ, giáo viên Trường Đại học Cần Thơ ở đường Nguyễn Văn Linh, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ với giá thấp hơn gấp 3 lần giá thị

trường, H sẽ đứng tên mua dùm cho T, làm cho T tin tưởng nên đã trao đổi với gia đình huy động vốn đưa cho H để nhờ H mua 12 lô nền. Cụ thể:

Nền 1: Lô 06 Lốc LK2, đường số 03 Khu nhà ở cán bộ, giáo viên Trường Đại học Cần Thơ, diện tích 60 m², giá 650.000.000 đồng. H đã đưa cho T 01 Biên bản về việc giao đất nền xây dựng nhà ở ngày 24/12/2018 của Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư quận Ninh Kiều; 01 Hợp đồng uỷ quyền ngày 18/01/2019 bên uỷ quyền là Nguyễn Trọng H¹ – Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Trường Đại học Cần Thơ, bên được uỷ quyền là Lê Thanh T;

Nền 2: Lô 12 Lốc LK1, đường số 02 Khu nhà ở cán bộ, giáo viên Trường Đại học Cần Thơ, diện tích 100 m², giá 750.000.000 đồng. H đã đưa cho T 01 Biên bản về việc giao đất nền xây dựng nhà ở ngày 24/12/2018 của Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư quận Ninh Kiều; 01 Hợp đồng uỷ quyền ngày 18/01/2019 bên uỷ quyền là Nguyễn Trọng H¹, bên được uỷ quyền là Lê Quý T¹ và Lê Thanh T;

Nền 3: Lô 18 Lốc LK1, đường số 01 Khu nhà ở cán bộ, giáo viên Trường Đại học Cần Thơ, diện tích 132 m², giá 900.000.000 đồng. H đã đưa cho T 01 Biên bản về việc giao đất nền xây dựng nhà ở ngày 24/12/2018 của Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư quận Ninh Kiều; 01 Hợp đồng uỷ quyền ngày 18/01/2019 bên uỷ quyền là Nguyễn Trọng H¹, bên được uỷ quyền là Lê Thanh T;

Sau đó, H tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là có một số đồng nghiệp công tác tại các khoa khác được suất ưu đãi mua nền nhưng không có khả năng mua, muốn nhượng suất mua lại cho H và nói nếu T muốn mua thêm thì H sẽ mua giúp nên T đồng ý cùng với người thân trong gia đình gồm: Lê Quý T¹, Lê Thùy L, Vũ Thị Đ góp vốn hoặc cho mượn và chuyển tiền cho T làm đầu mối chuyển tiền cho H mua thêm 09 nền. Các nền này H không đưa ra thông tin cụ thể từng nền mà chỉ nói nằm trong Khu nhà ở cán bộ, giáo viên Trường Đại học Cần Thơ gắn với 03 nền đất đã nêu trên với giá ưu đãi mỗi nền từ 700.000.000 đồng đến 900.000.000 đồng, chưa tính các loại phí phải đóng. Để T tin tưởng hơn, H nói để đáp ứng các điều kiện mua đất, T phải có hộ khẩu thường trú để đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới được cấp giấy phép xây dựng nhằm tránh tình trạng đầu cơ mua đi bán lại. H yêu cầu T cắt hộ khẩu ở Bạc Liêu để H nhờ người quen nhập hộ khẩu cho T vào Khu nhà ở cán bộ, giáo viên Trường Đại học Cần Thơ, nên T tin tưởng đồng ý. H lên Google đặt mua 01 Sổ hộ khẩu giả số 14013603 giá 500.000 đồng mang tên Lê Thanh T, nơi thường trú: Khu cán bộ, Khu vực 3, Nguyễn Văn Linh, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, cấp ngày 28/4/2020, hình dấu tròn đỏ Công an quận Ninh Kiều, chữ ký đại tá Trần Văn S. H đưa Sổ hộ khẩu giả này cho T và nói đã nhập hộ khẩu cho T xong.

Để T và người thân của T tin tưởng là H có liên hệ với các cơ quan, tổ chức thuộc Trường Đại học Cần Thơ để mua đất nền cho T, H gửi qua Zalo cho

T và chị L ảnh chụp nhiều văn bản của Trường Đại học Cần Thơ như các biên lai thu tiền, biên lai chi, uỷ nhiệm chi, phiếu tổng kết chi, giấy xác nhận, thư, thông báo, phiếu hẹn, thư mời có hình dấu màu đỏ và chữ ký của Lãnh đạo các phòng, ban của Trường Đại học Cần Thơ để yêu cầu T đóng thêm nhiều khoản phí như: Phí cơ sở hạ tầng, nâng cấp nền, làm móng đổ xi măng và nhiều khoản phí khác. Các văn bản nêu trên đều là do H tự làm giả bằng cách lên mạng vào Website của Trường Đại học Cần Thơ để tải văn bản có dấu tròn đỏ, chữ ký của lãnh đạo rồi dùng phần mềm Paint cắt, ghép vào văn bản do H tự soạn thảo rồi dùng điện thoại di động chụp lại chuyển qua zalo cho T và L. Đồng thời, H còn mua sim khuyến mãi để để tạo các nick zalo mạo tên Nguyễn Trọng H¹ công tác tại Trường Đại học Cần Thơ và Nguyễn Hoàng H² làm hỗ trợ dự án để nhắn tin cho T và người thân của T.

Sau khi T và người thân của T chuyển tiền thì H chuyển trả lại một phần tiền với lý do được dự án hỗ trợ, nhằm làm cho T tin tưởng chuyển tiền những lần tiếp theo.

Quá trình điều tra H khai nhận: Cuối năm 2018, H đến Văn phòng Trường Đại học Cần Thơ để hỏi thủ tục mua nền đất tại dự án Khu nhà ở cán bộ, giáo viên Trường Đại học Cần Thơ thì được hướng dẫn đến Ban quản lý dự án tại Đường số 7 Khu nhà ở cán bộ Đại học Cần Thơ thì được biết dự án đã có biên bản giao nền hết, không thể đăng ký mua. H thấy trên mạng xã hội có người đăng tin chuyển nhượng lại nền đất đã mua trong Khu nhà ở cán bộ, giáo viên Trường Đại học Cần Thơ nên liên hệ thì được người tên Thuận (không rõ tung tích) cho biết giá bán mỗi nền 100 m² là 800.000.000 đồng. Thuận dẫn H đi xem thực tế 03 nền đất và đưa cho H xem 03 Biên bản giao nền giữa Trường Đại học Cần Thơ với cán bộ của Trường, H lên Website của Trường Đại học Cần Thơ thấy danh sách cán bộ của Trường có tên những người nhận nền, nên H đồng ý mua của Thuận 03 nền này và đặt cọc 30.000.000 đồng chờ Thuận làm thủ tục hợp đồng uỷ quyền và biên bản giao nền sang cho T. Đến khoảng tháng 01/2019 Thuận gửi qua bưu điện cho H biên bản giao nền và hợp đồng uỷ quyền, H giao thêm tiền cọc 130.000.000 đồng cho nhân viên giao hàng (thu hộ). Mỗi biên bản giao nền và hợp đồng uỷ quyền có 02 bản giống nhau, H đưa cho T ký tên T giữ 01 bản, H giữ 01 bản nhưng không cho T biết. Sau đó, T nói đã làm mất biên bản giao nền và hợp đồng uỷ quyền nên H nói sẽ liên hệ Ban quản lý dự án xin cấp lại, nhưng thực chất H lấy các bản H đã giữ lại trước đó để đưa cho T và nói dối là được cấp lại. Sau khoảng 01 tháng thì Thuận chặn cuộc gọi và xoá zalo nên H không liên lạc được với Thuận, H đến Ban quản lý dự án tìm hiểu thì được biết các biên bản giao nền mà Thuận đưa cho H không đúng thông tin 01 nền còn 02 nền thì đã giao cho người khác nên H biết đã bị Thuận lừa đảo và biết các biên bản Thuận đưa là giả nhưng H không nói cho T biết. Từ đây, H tiếp tục dùng các tài liệu giả đó đưa ra thông tin không có thật để T và người thân của T tin tưởng giao tiền cho H mua thêm 09 nền đất.

Với phương thức và thủ đoạn như trên, H đã chiếm đoạt tài sản của T trong thời gian dài, đến ngày 30/3/2022 T phát hiện nên đã tố giác.

Bị cáo H nhận tiền và chuyển trả tiền cho các bị hại: T, T¹, L, Đ qua tài khoản ngân hàng. Đối chiếu lịch sử giao dịch từ ngày 19/01/2019 đến ngày 28/3/2023 các tài khoản của H phát sinh tổng cộng 831 giao dịch nhận tiền từ tài khoản của T, T¹, L, Đ với tổng số tiền là 45.406.889.000 đồng; Từ ngày 05/5/2020 đến ngày 21/3/2023 phát sinh 297 giao dịch chuyển trả tiền đến tài khoản của L, T¹, Đ với tổng số tiền là 24.014.335.000 đồng.

Trong đó:

- Tài khoản của T chuyển cho H tổng số 4.453.470.000 đồng;
- Tài khoản của L chuyển cho H tổng số 7.542.500.000 đồng; H chuyển trả lại cho L tổng cộng 3.203.560.000 đồng. H chiếm đoạt 4.338.940.000 đồng.
- Tài khoản của T¹ chuyển cho H tổng số 749.500.000 đồng; H chuyển trả lại cho T¹ tổng cộng 35.000.000 đồng. H chiếm đoạt 714.500.000 đồng.
- Tài khoản của Đ chuyển cho H tổng số 32.661.419.000 đồng; H chuyển trả lại cho Đ tổng cộng 20.775.775.000 đồng. H chiếm đoạt 11.885.644.000 đồng.

Tổng cộng bị cáo Dương Nguyễn Cẩm H chiếm đoạt của Lê Thanh T, Lê Thùy L, Lê Quý T¹ và Vũ Thị Đ là 21.392.554.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được, bị cáo sử dụng tiêu xài cá nhân và trả nợ.

Công văn số 1536/ĐHCT-KHTH ngày 28/4/2023 của Trường Đại học Cần Thơ có nội dung:

Từ năm 2008 đến hiện tại tại Trường Đại học Cần Thơ không có viên chức, người lao động nào có tên là Dương Nguyễn Cẩm H, sinh năm 1994; Nơi thường trú: Ấp Tân Phong B, xã Hoà Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;

Nhà trường không có bán đất nền tái định cư thuộc dự án Khu nhà ở cán bộ, giáo viên Trường Đại học Cần Thơ cho ông Lê Thanh T và bà Dương Nguyễn Cẩm H. Đối với các vị trí được đề cập, Nhà trường thông tin như sau:

- Lốc LK1, lô nền số 12 đường số 2, diện tích 100 m², Công ty đã bàn giao nền tái định cư cho bà Lê Túy N.
- Lốc LK2, lô nền số 6 đường số 3, diện tích 100 m² (không phải 60 m²), Công ty đã bàn giao nền tái định cư cho ông Nguyễn Văn H³ - bà Trương Thị Xuân H⁴.
- Lốc LK1, lô nền số 18 đường số 1, diện tích 132 m² là không có trên thực tế, vì phía này là đất giáp dân (chỉ có số lẻ, không có số chẵn);

Công ty không có bán bất kỳ lô nền nào mang tên Lê Thanh T và Dương Nguyễn Cẩm H.

Trường Đại học Cần Thơ không ban hành các văn bản, tài liệu đính kèm Yêu cầu số 467/YC.P.CSHS đánh số thứ tự từ 01 đến 336 (Các biên bản giao nền, hợp đồng uỷ quyền, biên lai thu, biên lai chi, giấy uỷ nhiệm chi, giấy xác nhận, thông báo, giấy hẹn, thư mời ...).

Kết luận giám định số 71/KL-KTHS-TL ngày 30/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung “BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ” trên các tài liệu giám định, kí hiệu từ A1 đến A6, so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu tài liệu mẫu, kí hiệu M1 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Trọng H¹ trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A6 là chữ ký giả bằng phương pháp in màu.

- Hình dấu tròn có nội dung “TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ CẦN THƠ, CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT QUẬN NINH KIỀU” trên các tài liệu giám định, kí hiệu từ A1 đến A3 là hình dấu giả bằng phương pháp phun màu.

- Chữ ký mang tên Lê Hoàng Đ trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A3 là chữ ký giả bằng phương pháp in màu.

- Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG AN THÀNH PHỐ CẦN THƠ, CÔNG AN QUẬN NINH KIỀU” trên tài liệu giám định, kí hiệu A7 là hình dấu giả bằng phương pháp in màu.

- Chữ ký mang tên Trần Văn S trên tài liệu cần giám định, kí hiệu A7 so với chữ ký Trần Văn S trên tài liệu mẫu, kí hiệu M5 không phải do một người ký ra.

Cơ quan điều tra thu giữ 01 laptop, 02 điện thoại di động, 01 Sổ hộ khẩu mang tên Lê Thanh T, 03 Biên bản về việc giao đất nền xây dựng nhà ở, 03 hợp đồng uỷ quyền và đã giao trả cho anh Lê Thanh T 500.000.000 đồng do bị cáo nộp.

Ngoài ra, với phương thức và thủ đoạn như trên, bị cáo H còn lừa đảo chiếm đoạt của ông Liên Hoàng P 873.635.700 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 57/CT-VKS-P2 ngày 11/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đã truy tố bị cáo Dương Nguyễn Cẩm H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2025/HS-ST ngày 24/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Dương Nguyễn Cẩm H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; Điều 55; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Dương Nguyễn Cẩm H 20 (*Hai mươi*) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 05 (*Năm*) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 25 (*Hai mươi lăm*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2023.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự;

Ghi nhận sự tự thoả thuận giữa bị cáo và những người bị hại như sau:

Bị cáo trả cho anh Lê Thanh T số tiền 4.453.470.000 đồng;

Bị cáo trả cho ông Lê Quý T¹ số tiền 4.338.940.000 đồng.

Bị cáo trả cho chị Lê Thùy L số tiền 714.500.000 đồng.

Bị cáo trả cho bà Vũ Thị Đ số tiền 11.315.644.000 đồng. Bà Vũ Thị Đ được nhận số tiền 70.000.000 đồng gia đình bị cáo nộp khắc phục hậu quả theo Biên lai thu số 0000168 ngày 21/11/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/3/2025, bị hại Lê Thanh T có đơn kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo theo Điều 39 Bộ luật hình sự, áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm b (*có tính chất chuyên nghiệp*), điểm đ (*vì động cơ đê hèn*), điểm e (*cố tình phạm tội đến cùng*), điểm m (*dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, tàn ác*), điểm n (*dùng thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người*) khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, yêu cầu không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo; Đề nghị tiếp tục điều tra làm rõ các đối tượng mà bị cáo H đã chuyển tiền cho họ để thu hồi tài sản bồi thường cho bị hại; Yêu cầu quy định rõ thời gian bị cáo H hoàn trả tổng số tiền 20.822.554.000 đồng và hình thức, biện pháp xử lý nếu bị cáo H chây ì, không thực hiện nghĩa vụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Anh Lê Thanh T giữ nguyên kháng cáo theo đơn ghi ngày 07/3/2025; Bị cáo phạm tội rất chuyên nghiệp, đã lập trước kế hoạch lừa đảo, biết gia đình anh có người già nhưng vẫn tiếp tục yêu cầu chuyển tiền, kể cả ban đêm. Việc tách các tài khoản đã nhận tiền của bị cáo ra vụ án khác làm thiệt hại cho gia đình anh không thu hồi được tài sản bị chiếm đoạt. Khi anh tố cáo thì bị cáo điện thoại ngay cho ông P rồi sau đó mới khai ra bị cáo có chiếm đoạt tiền của ông P để đưa ông P vào làm bị hại trong vụ án để xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Gia đình anh không có thỏa thuận với bị cáo nhưng Bản án sơ thẩm tuyên ghi nhận thỏa thuận là không đúng.

Ông Lê Quý T¹ đề nghị xem xét gia đình ông phải đi vay, mượn nhiều nơi để đưa tiền cho bị cáo nên số tiền bị cáo chiếm đoạt làm thiệt hại cho gia đình ông gấp 2,5 lần, không những làm thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản mà còn làm thiệt hại nghiêm trọng đến tinh thần của gia đình ông. Khi bị tố cáo thì bị cáo điện thoại ngay cho ông P, chứng tỏ có sự sắp xếp lời khai. Đề nghị xử phạt bị cáo tử hình.

Chị Lê Thùy Liên thống nhất các nội dung kháng cáo trong đơn kháng cáo ngày 07/3/2025 của anh T. Bị cáo là người mới ra trường, còn trẻ không thể nào bị cáo đủ khả năng vạch ra kế hoạch lừa đảo rất tinh vi, chứng tỏ có sự sắp xếp với đồng phạm khác.

Bị cáo Dương Nguyễn Cẩm H không có ý kiến đối với kháng cáo của các bị hại, chỉ xin xem xét giảm nhẹ hình phạt tù để sớm về kiếm tiền bồi thường cho bị hại.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự; Đơn kháng cáo hợp lệ, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm; Về nội dung Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Dương Nguyễn Cẩm H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đã quyết định hình phạt đối với bị cáo là tương xứng và quyết định về trách nhiệm dân sự là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết tăng nặng mới và cũng không có chứng cứ làm thay đổi trách nhiệm dân sự, nên đề nghị bác kháng cáo của bị hại, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị hại Lê Thanh T đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp lời khai của những người bị hại, phù hợp với Biên bản thu giữ vật chứng, phù hợp với Kết luận giám định, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định: Từ cuối năm 2018 đến ngày 30/3/2023, bị cáo Dương Nguyễn Cẩm H sử dụng các tài liệu giả và đưa ra nhiều thông tin gian dối cho các bị hại tin tưởng mua nền đất để bị cáo chiếm đoạt của 05 bị hại với tổng số tiền 22.266.189.700 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Dương Nguyễn Cẩm H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại

điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đặc biệt nghiêm trọng tài sản của người khác, gây mất trật tự, an toàn xã hội nên bị cáo phải chịu hình phạt.

Bản án sơ thẩm đã cân nhắc bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội từ 2 lần trở lên và có các tình tiết giảm nhẹ gồm: Đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại, thành khẩn khai báo, ông ngoại của bị cáo là thương binh, là người có công với nước, người bị hại Liên Hoàng P có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên đã xử phạt bị cáo 20 năm tù đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là mức cao của khung hình phạt quy định phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân và 05 năm tù đối với tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” là tương xứng, không nhẹ.

Người bị hại yêu cầu áp dụng thêm các tình tiết tăng nặng gồm: Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; phạm tội vì động cơ đê hèn; dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, tàn ác để phạm tội; dùng thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội; cố tình thực hiện tội phạm đến cùng đều là không có cơ sở pháp luật, mà chỉ là ý muốn chủ quan của người bị hại.

Tuy gia đình bị cáo có bồi thường được 570.000.000 đồng là số tiền rất nhỏ so với tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 22.266.189.700 đồng, nhưng cũng đã thể hiện sự tự nguyện bồi thường của bị cáo, nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ, nhưng khi lượng hình thì mức giảm nhẹ có phần hạn chế. Tuy ông Liên Hoàng P có họ hàng với bị cáo nhưng ông P cũng là người bị hại trong vụ án và ông P đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Việc bị hại kháng cáo cho rằng có sự sắp xếp giữa bị cáo với ông Liên Hoàng P là không có căn cứ.

Do vậy, không cáo căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị hại Lê Thanh T về việc áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức hình phạt đối với bị cáo.

[4] Kết quả điều tra khâu trừ các giao dịch chuyên khoản giữa bị cáo với các bị hại đã thể hiện bị cáo đã chiếm đoạt của anh Lê Thanh T là 4.453.470.000 đồng; của ông Lê Quý T¹ là 714.500.000 đồng; của chị Lê Thùy L là 4.338.940.000 đồng; của bà Vũ Thị Đ là 11.885.644.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị hại đều xác định số tiền bị chiếm đoạt như trên và bị cáo đồng ý sẽ hoàn trả tiền theo yêu cầu của người bị hại. Do đó, Bản án sơ thẩm đã buộc bị cáo phải hoàn trả cho các bị hại số tiền mà các bị hại đã xác định bị chiếm đoạt như trên là có căn cứ, nhưng khi quyết định, Bản án sơ thẩm lại ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với các bị hại là chưa chính xác, kháng cáo của ông T về phần này là có cơ sở. Tuy nhiên, sai sót trên của Bản án sơ thẩm không làm thay đổi

nghĩa vụ bồi thường của bị cáo, không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bị hại, nên chỉ cần đính chính lại cách tuyên án cho phù hợp là đủ.

Đối với kháng cáo của anh Lê Thanh T yêu cầu Tòa án phải xác định rõ phương thức, thời gian, số lần bị cáo thực hiện việc hoàn trả tiền chiếm đoạt cho bị hại ... không thuộc phạm vi giải quyết của Tòa án, mà sẽ được giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

[5] Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra đối với chủ các tài khoản đã nhận tiền của bị cáo và sẽ xử lý sau, nên không có căn cứ để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

[6] Từ các phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Lê Thanh T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[7] Do không được chấp nhận kháng cáo (về phần dân sự) nên theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Lê Thanh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với ông Liên Hoàng P; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Lê Thanh T; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2025/HS-ST ngày 24/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;

2.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; Điểm b, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Dương Nguyễn Cẩm H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”;

Xử phạt bị cáo **Dương Nguyễn Cẩm H 20 (Hai mươi) năm tù** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và **05 (Năm) năm tù** về tội “*Sử dụng tài liệu giả*”

của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo Dương Nguyễn Cẩm H phải chấp hành chung cho hai tội là **25 (Hai mươi lăm) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/10/2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án;

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo;

2.2. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584 và Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo hoàn trả cho những người bị hại như sau:

- Trả cho anh Lê Thanh T số tiền 4.453.470.000 đồng (*Bốn tỷ bốn trăm năm mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng*);

- Trả cho ông Lê Quý T¹ số tiền 4.338.940.000 đồng (*Bốn tỷ ba trăm ba mươi tám triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng*).

- Trả cho chị Lê Thùy L số tiền 714.500.000 đồng (*Bảy trăm mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng*).

- Trả cho bà Vũ Thị Đ số tiền 11.315.644.000 đồng (*Mười một tỷ ba trăm mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*). Bà Vũ Thị Đ được nhận số tiền 70.000.000 đồng gia đình bị cáo nộp khắc phục hậu quả theo Biên lai thu số 0000168 ngày 21/11/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Anh Lê Thanh T phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000395 ngày 17/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với ông Liên Hoàng Phong; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Cần Thơ;
- Công an TP. Cần Thơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS TP. Cần Thơ;
- Trại tạm giam TP. Cần Thơ;
- Bị cáo (Trại tạm giam tổng đạt);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP (TPQ – 21b).

Phạm Văn Công